

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2014.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG**Nguyễn Tấn Dũng**

QUY CHẾ
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là “các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”) và Ban quản lý khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu (sau đây gọi tắt là “Ban quản lý”) trong hoạt động xúc tiến đầu tư.

2. Hoạt động xúc tiến đầu tư ở trong nước và ở nước ngoài bao gồm: xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và xúc tiến đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Quy chế này bao gồm:

1. Các cơ quan quản lý nhà nước bao gồm các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư;

2. Tổ chức, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước;

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài mà không sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư

Hoạt động xúc tiến đầu tư bao gồm các nội dung sau đây:

1. Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư;

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư;

3. Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư;

4. Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư;

5. Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư;

6. Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư;

7. Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; triển khai dự án sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

8. Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư.

Điều 4. Nội dung quản lý nhà nước hoạt động xúc tiến đầu tư

Nội dung quản lý nhà nước hoạt động xúc tiến đầu tư bao gồm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện định hướng xúc tiến đầu tư trong từng thời kỳ và hàng năm;

2. Hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư;

3. Điều phối các hoạt động xúc tiến đầu tư;

4. Theo dõi, tổng hợp đánh giá tình hình và hiệu quả của hoạt động xúc tiến đầu tư;

5. Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân trong hoạt động xúc tiến đầu tư.

Điều 5. Nguyên tắc đối với hoạt động xúc tiến đầu tư

1. Các hoạt động xúc tiến đầu tư tại trong nước và nước ngoài phải được xây dựng, tập hợp thành chương trình xúc tiến đầu tư, sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Khuyến khích các hoạt động xúc tiến đầu tư mang tính liên ngành, liên vùng; hạn chế thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư đơn lẻ nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực.

3. Có tính khả thi về nội dung, phương thức, thời gian, địa điểm, kinh phí và tiến độ triển khai.

4. Chú trọng các hoạt động xúc tiến đầu tư đối với các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (xúc tiến đầu tư tại chỗ) thông qua các hình thức hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy triển khai dự án hiệu quả.

5. Khuyến khích kết hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư với các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và các chương trình tuyên truyền đối ngoại, văn hóa.

6. Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư.

Điều 6. Yêu cầu đối với hoạt động xúc tiến đầu tư

1. Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, ngành và địa phương.

2. Phù hợp với định hướng của Chính phủ về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư trực tiếp từ Việt Nam ra nước ngoài trong từng thời kỳ.

3. Có tác động thiết thực đến việc thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vào các lĩnh vực hoặc địa bàn, khu vực ưu tiên phát triển để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Chương II

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

Điều 7. Hướng dẫn xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư

1. Chương trình xúc tiến đầu tư là tập hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư hàng năm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật trong đó xác định rõ nội dung, địa điểm, thời gian, tiến độ, kinh phí và đầu mối thực hiện.

2. Căn cứ vào mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành hướng dẫn xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư với các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Mục tiêu, yêu cầu đối với hoạt động xúc tiến đầu tư;
- b) Định hướng về lĩnh vực và địa bàn xúc tiến đầu tư;
- c) Định hướng về đối tác đầu tư;
- d) Tiêu chí đánh giá, phê duyệt chương trình xúc tiến đầu tư;
- đ) Các nội dung khác căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3. Hướng dẫn xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư phải được gửi cho các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 30 tháng 7 hàng năm để có cơ sở xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư của năm kế hoạch tiếp theo.

Điều 8. Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư

1. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào hướng dẫn xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và mục tiêu, định hướng phát triển của ngành, địa phương để xây dựng hoặc đề xuất chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm; bao gồm:

- a) Các hoạt động đề xuất đưa vào chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia;
- b) Chương trình xúc tiến đầu tư của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoạt động xúc tiến đầu tư của Ban quản lý được tập hợp trong chương trình xúc tiến đầu tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);
- c) Các hoạt động xúc tiến đầu tư đề xuất đưa vào chương trình của các đoàn cấp cao của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

2. Chương trình xúc tiến đầu tư được xây dựng theo mẫu thống nhất quy định tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

3. Quy trình xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư:

a) Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tập hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư và dự thảo chương trình xúc tiến đầu tư gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30 tháng 8 hàng năm để phối hợp với chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia và chương trình xúc tiến đầu tư của các Bộ, địa phương khác;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến bằng văn bản về nội dung chương trình xúc tiến đầu tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi tổng hợp toàn bộ các chương trình xúc tiến của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định phê duyệt chương trình xúc tiến đầu tư sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

d) Trên cơ sở tổng hợp chương trình xúc tiến đầu tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ra văn bản thông báo với Bộ Ngoại giao về các hoạt động xúc tiến đầu tư tại nước ngoài để phối hợp thực hiện;

đ) Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào điều kiện thực tế, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể điều chỉnh chương trình xúc tiến đầu tư và ra quyết định điều chỉnh chương trình xúc tiến đầu tư sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Đăng ký hoạt động xúc tiến đầu tư:

Tổ chức, cá nhân nêu tại khoản 3 Điều 2 của Quy chế này thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài phải đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư trước 30 ngày thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư đó.

5. Việc xây dựng và phê duyệt chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia thực hiện theo Quyết định số 26/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư Quốc gia.

Điều 9. Hoạt động xúc tiến đầu tư không thuộc chương trình xúc tiến đầu tư

1. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể phối hợp tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư không thuộc chương trình xúc tiến đầu tư do các tổ chức, doanh nghiệp hoặc nhà đầu tư thực hiện bằng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước nếu hoạt động xúc tiến đầu tư đó đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 5, 6 của Quy chế này.

2. Khi tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư nêu tại khoản 1 của Điều này, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nội dung chương trình, địa điểm, thành phần của hoạt động xúc tiến đầu tư chậm nhất trước 30 ngày tổ chức.

Điều 10. Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư

1. Các hoạt động nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư được thực hiện theo các hình thức sau đây:

- a) Thu thập thông tin, nghiên cứu, tổng hợp xây dựng các đề án, báo cáo;
- b) Tổ chức các đoàn khảo sát, nghiên cứu trong nước và nước ngoài;
- c) Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo trong nước và nước ngoài;
- d) Các hình thức khác.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Bộ Ngoại giao và các tổ chức, cá nhân liên quan nghiên cứu, đánh giá chung và cập nhật thông tin về tiềm năng, thị trường, xu hướng, nhu cầu đầu tư và đối tác đầu tư... để làm cơ sở cho việc hướng dẫn xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư.

3. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, đánh giá về tiềm năng, thị trường, xu hướng, nhu cầu đầu tư và đối tác đầu tư trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 11. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư

1. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư được thực hiện theo các hình thức sau đây:

- a) Thu thập, hệ thống hóa các số liệu; môi trường đầu tư; pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, cơ hội và đối tác đầu tư;
- b) Xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư, môi trường, tiềm năng, cơ hội đầu tư, đối tác đầu tư;
- c) Các hình thức khác.

2. Cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư phải được cập nhật thường xuyên để bảo đảm phục vụ có hiệu quả cho hoạt động xúc tiến đầu tư.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu chung để phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư trong phạm vi quản lý của mình.

4. Ngân sách cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu được lấy từ nguồn ngân sách cấp hàng năm cho chương trình xúc tiến đầu tư của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 12. Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dự án quốc gia kêu gọi đầu tư theo từng thời kỳ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn nội dung, tiêu chí xây dựng Danh mục dự án kêu gọi đầu tư và nội dung chi tiết của dự án thuộc danh mục dự án kêu gọi đầu tư để áp dụng thống nhất trong cả nước.

3. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều này, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và công bố Danh mục dự án kêu gọi đầu tư theo từng thời kỳ trong phạm vi quản lý của mình.

4. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đăng tải công khai và cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử của mình các nội dung sau đây:

a) Danh mục dự án kêu gọi đầu tư và nội dung chi tiết của dự án thuộc danh mục dự án kêu gọi đầu tư;

b) Tình hình thực hiện Danh mục dự án kêu gọi đầu tư;

c) Các nội dung liên quan đến điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Danh mục dự án kêu gọi đầu tư.

Điều 13. Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư

1. Các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư gồm các hình thức:

a) Sách hướng dẫn; tờ rơi; danh mục dự án kêu gọi đầu tư và nội dung chi tiết của dự án thuộc Danh mục dự án kêu gọi đầu tư;

b) Các tài liệu nghiên cứu tổng hợp, nghiên cứu chuyên đề;

c) Các chuyên đề hoặc bài báo, tạp chí; các chương trình phát thanh, truyền hình, quảng cáo... để đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài;

d) Quà tặng, đồ lưu niệm;

đ) Các hình thức ấn phẩm và tài liệu khác.

2. Các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư phải bảo đảm cập nhật thông tin về môi trường đầu tư; pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, cơ hội và đối tác đầu tư.

3. Các ấn phẩm, tài liệu có thể được xây dựng để phục vụ chung cho hoạt động xúc tiến đầu tư hoặc để phục vụ riêng cho các hoạt động xúc tiến đầu tư cụ thể tùy thuộc vào yêu cầu của hoạt động xúc tiến đầu tư.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng ấn phẩm, tài liệu chung để phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư Quốc gia. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 14. Tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư

1. Việc tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư trong nước và nước ngoài bao gồm:

a) Tổ chức hoặc tham gia các hội nghị, hội thảo, hội chợ, diễn đàn, tọa đàm trong nước và nước ngoài;

b) Tổ chức hoặc tham gia các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhà đầu tư;

c) Tổ chức hoặc tham gia đoàn công tác đề xúc tiến đầu tư theo từng chuyên đề hoặc đối tác cụ thể;

d) Thực hiện các chương trình tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài; Đặt hàng cơ quan truyền thông trong nước và nước ngoài viết bài, làm phóng sự trên báo chí, truyền thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử; làm phim quảng bá môi trường đầu tư tại Việt Nam theo hợp đồng trọn gói;

đ) Các hình thức tuyên truyền, quảng bá khác.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, quảng bá mang tính liên ngành, liên vùng; xúc tiến đầu tư các dự án thuộc Danh mục dự án quốc gia kêu gọi đầu tư;

b) Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham gia các hoạt động tuyên truyền, quảng bá trong nước và quốc tế;

c) Hỗ trợ và tham gia các hoạt động tuyên truyền, quảng bá trong nước và quốc tế do các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức khi có yêu cầu.

3. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến đầu tư các dự án thuộc Danh mục dự án kêu gọi đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Tham gia các hoạt động tuyên truyền, quảng bá trong nước và quốc tế do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức khi có yêu cầu;

c) Thông báo với Bộ Kế hoạch và Đầu tư kết quả thực hiện các hoạt động tuyên truyền, quảng bá sau khi hoàn thành.

4. Đối với những hoạt động xúc tiến đầu tư do các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ở nước ngoài, trong trường hợp cần thiết tùy thuộc vào địa bàn, đối tác, quy mô của hoạt động xúc tiến đầu tư..., Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- a) Hỗ trợ về nội dung và tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài;
- b) Tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư ở nước ngoài để giới thiệu về định hướng và chính sách chung về đầu tư của Việt Nam.

Điều 15. Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư

1. Nội dung đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư gồm:
 - a) Bối cảnh kinh tế quốc tế, tình hình kinh tế - xã hội; tình hình đầu tư; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành và vùng lãnh thổ;
 - b) Cập nhật pháp luật, cơ chế, chính sách, thủ tục đầu tư;
 - c) Các kết quả nghiên cứu, đánh giá về tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư;
 - d) Các kỹ năng xúc tiến đầu tư;
 - đ) Các nội dung khác theo yêu cầu của công tác xúc tiến đầu tư.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư cho các cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư trên phạm vi cả nước.
3. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư cho các cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 16. Hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư

1. Trong phạm vi quản lý của mình, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hỗ trợ cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án đầu tư.
2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:
 - a) Cung cấp các thông tin về tình hình kinh tế - xã hội; tình hình đầu tư; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành và vùng lãnh thổ; pháp luật, cơ chế, chính sách; tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư khi có yêu cầu của doanh nghiệp và nhà đầu tư;
 - b) Hướng dẫn thủ tục đầu tư;
 - c) Hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai dự án đầu tư;
 - d) Tiếp nhận, tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền giải quyết các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư.
3. Trong trường hợp cần thiết, đối với các dự án đầu tư quy mô lớn, có nội dung phức tạp, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải phối hợp thành lập tổ công tác để hỗ trợ trong quá trình: xúc tiến đầu tư (nghiên cứu, thành lập hồ sơ, triển khai các thủ tục), cấp Giấy chứng nhận đầu tư, hỗ trợ triển khai dự án đầu tư.

Điều 17. Hợp tác về xúc tiến đầu tư

1. Khuyến khích việc hợp tác trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong hoạt động xúc tiến đầu tư; bao gồm:

a) Hợp tác và phối hợp giữa các hoạt động xúc tiến đầu tư với xúc tiến thương mại và xúc tiến du lịch;

b) Hợp tác giữa các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý;

c) Hợp tác giữa các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý với các cơ quan, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp và nhà đầu tư;

d) Hợp tác quốc tế về xúc tiến đầu tư.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì đàm phán, tham gia và làm đầu mối triển khai thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế song phương và đa phương liên quan đến đầu tư và xúc tiến đầu tư;

b) Hỗ trợ các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các hoạt động hợp tác về xúc tiến đầu tư.

3. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ động thực hiện hợp tác về xúc tiến đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng của hoạt động xúc tiến đầu tư.

Điều 18. Đầu mối quản lý nhà nước xúc tiến đầu tư

1. Ở cấp Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến đầu tư.

2. Ở cấp địa phương:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư ở cấp địa phương;

b) Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định hoặc thành lập bộ phận xúc tiến đầu tư trong cơ cấu tổ chức của mình và có trách nhiệm bố trí cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, biên chế, ngân sách và kinh phí hoạt động phù hợp cho bộ phận xúc tiến đầu tư.

Điều 19. Bộ phận xúc tiến đầu tư nước ngoài tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài:

1. Nhiệm vụ của Bộ phận xúc tiến đầu tư nước ngoài:

a) Nghiên cứu chiến lược, môi trường đầu tư, luật pháp, chính sách, chiến lược đầu tư; nhu cầu thu hút đầu tư và khả năng huy động đầu tư, tiềm năng và khả năng của các đối tác đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt là đầu tư vào Việt Nam, thủ tục đầu tư của nước sở tại; phương hướng hợp tác và phát triển quan hệ đầu tư của

nước sở tại với Việt Nam tổng hợp thành báo cáo gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để cung cấp thông tin và đề xuất kịp thời với các cơ quan trong nước;

b) Chủ động tìm kiếm cơ hội, tiếp xúc và vận động các nhà đầu tư của nước sở tại vào Việt Nam; hỗ trợ các doanh nghiệp nước sở tại đầu tư vào Việt Nam; hướng dẫn, tham gia và hỗ trợ các hoạt động xúc tiến đầu tư của Việt Nam tại nước sở tại; giới thiệu tình hình, khả năng và nhu cầu hợp tác của nước sở tại với cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp Việt Nam;

c) Hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư Việt Nam tại nước sở tại; giới thiệu tình hình, khả năng và nhu cầu hợp tác đầu tư của Việt Nam với các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp nước sở tại; phối hợp với các cơ quan liên quan của Việt Nam để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư Việt Nam đầu tư tại nước sở tại; theo dõi tình hình hoạt động của các nhà đầu tư Việt Nam tại nước sở tại;

d) Phối hợp thẩm tra các nhà đầu tư nước sở tại đầu tư vào Việt Nam và các đối tác của doanh nghiệp Việt Nam ở nước sở tại khi được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu; tham gia hội thảo, hội nghị, diễn đàn, sự kiện về hợp tác đầu tư tại nước sở tại; tham gia đàm phán dự án; tham gia đàm phán và theo dõi đôn đốc việc thực hiện các điều ước quốc tế của Việt Nam về hợp tác đầu tư khi được phân công;

đ) Phối hợp với các bộ phận khác trong Cơ quan đại diện hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia hợp tác đầu tư tại nước sở tại; kiến nghị với Người đứng đầu Cơ quan đại diện xử lý các vấn đề phát sinh trong quan hệ hợp tác đầu tư giữa Việt Nam với các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp nước sở tại;

e) Lập kế hoạch, chương trình công tác định kỳ 6 tháng, hàng năm trình Người đứng đầu Cơ quan đại diện phê duyệt và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Người đứng đầu Cơ quan đại diện phân công.

2. Quản lý tài chính, tài sản, phương tiện làm việc:

a) Kinh phí hoạt động của Bộ phận xúc tiến đầu tư được thực hiện theo các quy định của pháp luật về cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

b) Bộ phận Xúc tiến đầu tư có trách nhiệm thực hiện dự toán chi tiêu đã được duyệt và thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Cơ quan đại diện trên cơ sở các quy định hiện hành;

c) Bộ phận Xúc tiến đầu tư có trách nhiệm quản lý tài chính, tài sản, phương tiện làm việc được giao theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế của Cơ quan đại diện.

Chương III

KINH PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

Điều 20. Kinh phí xúc tiến đầu tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Kinh phí xúc tiến đầu tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được bố trí trong kế hoạch ngân sách hàng năm của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Kinh phí xúc tiến đầu tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước chỉ được chi cho các hoạt động xúc tiến đầu tư nằm trong chương trình xúc tiến đầu tư đã được phê duyệt.

3. Việc lập kế hoạch và phê duyệt kinh phí xúc tiến đầu tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo Quy chế này và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 21. Kinh phí xúc tiến đầu tư của chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia hàng năm do nhà nước cấp được bố trí trong kế hoạch ngân sách hàng năm.

2. Việc lập kế hoạch và phê duyệt kinh phí xúc tiến đầu tư của Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia thực hiện theo Quyết định số 26/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư Quốc gia.

Điều 22. Huy động các nguồn lực xã hội cho hoạt động xúc tiến đầu tư

1. Khuyến khích việc huy động các nguồn lực xã hội từ tài trợ của các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp và nhà đầu tư để hỗ trợ thực hiện các hoạt động thuộc chương trình xúc tiến đầu tư.

2. Việc huy động các nguồn lực xã hội phải đảm bảo minh bạch, rõ ràng, phù hợp với kế hoạch, chương trình xúc tiến đầu tư đã được phê duyệt, phù hợp với các quy định pháp luật; bảo đảm cân đối hài hòa lợi ích chung của xã hội và lợi ích của nhà tài trợ.

Điều 23. Phối hợp trong việc xây dựng chương trình, bố trí kinh phí và thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư

1. Việc xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm phải bảo đảm có sự phối hợp ngay từ đầu với việc bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho chương trình xúc tiến đầu tư.

2. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chương trình xúc tiến hàng năm có trách nhiệm dự toán kinh

phí cho từng hoạt động thuộc chương trình xúc tiến đầu tư phù hợp với các quy định của pháp luật và đưa vào kế hoạch ngân sách hàng năm của mình.

3. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư liên quan đến lĩnh vực, địa bàn cụ thể nào thì phải phối hợp với Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan đến lĩnh vực, địa bàn cụ thể đó về nội dung và/hoặc tổ chức thực hiện.

4. Khi nhận được yêu cầu, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan có trách nhiệm phối hợp để hỗ trợ thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư.

Chương IV

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 24. Chế độ thông tin

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp thông tin về tình hình xúc tiến đầu tư trên phạm vi cả nước; hỗ trợ và cung cấp các thông tin có liên quan cho các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý trong việc thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư.

2. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý có trách nhiệm tổng hợp, thông tin về tình hình xúc tiến đầu tư trong phạm vi quản lý của mình và thông báo với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung định kỳ theo quý, 6 tháng và hàng năm.

Điều 25. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng và cả năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá về tình hình xúc tiến đầu tư trên phạm vi cả nước.

2. Đối với báo cáo 6 tháng, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo về tình hình xúc tiến đầu tư và sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý của mình và gửi về Bộ Kế hoạch trước ngày 20 tháng 6 hàng năm để tổng hợp.

3. Đối với báo cáo năm:

a) Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý tổng hợp và bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài báo cáo về tình hình xúc tiến đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình và gửi về Bộ Kế hoạch trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp;

b) Trên cơ sở tổng hợp báo cáo về tình hình xúc tiến đầu tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý và bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo đánh giá về tình hình xúc tiến đầu tư hàng năm.

4. Chế độ báo cáo đối với các hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia thực hiện theo Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư Quốc gia.

5. Bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài thực hiện chế độ báo cáo theo tháng, quý, 6 tháng và hàng năm.

Điều 26. Ứng dụng thông tin điện tử phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư

1. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng và cập nhật thông tin phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư nằm trong trang thông tin điện tử của mình.

2. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về xúc tiến đầu tư quy định tại Điều 24 và 25 của Quy chế này thực hiện bằng hình thức văn bản và hình thức thông tin điện tử.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xây dựng và vận hành cổng thông tin điện tử về đầu tư nước ngoài, trong đó có hệ thống tiếp nhận thông tin, báo cáo điện tử về xúc tiến đầu tư.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến đầu tư. Bộ Kế hoạch Đầu tư có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các Bộ liên quan xây dựng kế hoạch, định hướng thu hút đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài; hướng dẫn xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm; hướng dẫn chế độ thông tin, báo cáo về tình hình xúc tiến đầu tư;

2. Tổng hợp, xây dựng và thẩm tra Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia và đôn đốc việc thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư Quốc gia;

3. Hướng dẫn nội dung chế độ báo cáo 6 tháng và hàng năm để thực hiện thống nhất;

4. Thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc chương trình xúc tiến đầu tư của mình và các hoạt động được phân công thuộc chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia;

5. Phối hợp với Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ việc đặt và cử cán bộ tại bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài; quản lý nhà nước về nội dung xúc tiến đầu tư đối với bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài;

6. Rà soát, kiểm tra các hoạt động xúc tiến đầu tư không hiệu quả và không theo quy định của Quy chế này và pháp luật Việt Nam;

7. Tổ chức đào tạo, tập huấn về công tác xúc tiến đầu tư.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch kinh phí xúc tiến đầu tư của chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, chương trình xúc tiến đầu tư của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cụ thể trong việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư.

3. Hướng dẫn về trình tự, thủ tục giải ngân kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc bố trí và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư.

5. Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc bố trí ngân sách cho hoạt động xúc tiến đầu tư của các bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Tham gia, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các chương trình, hoạt động xúc tiến đầu tư, kết hợp hoạt động xúc tiến đầu tư trong công tác đối ngoại.

2. Hỗ trợ và tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư tại nước ngoài đã được duyệt theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp phát sinh các hoạt động xúc tiến đầu tư mới, Cơ quan đại diện có trách nhiệm thông báo và thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước khi thực hiện.

3. Chủ trì và hướng dẫn các Cơ quan đại diện thực hiện quản lý nhà nước đối với bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài.

4. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập mới hoặc rút bộ phận xúc tiến đầu tư và biên chế bộ phận xúc tiến đầu tư tại các Cơ quan đại diện.

5. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quyết định bổ nhiệm chức vụ ngoại giao, cử và gia hạn cán bộ làm về xúc tiến đầu tư đi công tác nhiệm kỳ tại các Cơ quan đại diện theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức hướng dẫn, tập huấn, kiểm tra ngoại ngữ và bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại đối với cán bộ làm về xúc tiến đầu tư được cử đi làm xúc tiến đầu tư tại các Cơ quan đại diện.

7. Cơ quan đại diện có trách nhiệm bố trí cơ sở vật chất, phương tiện đi lại, điều kiện làm việc, kinh phí hoạt động phù hợp cho bộ phận xúc tiến đầu tư ở nước ngoài.

Điều 30. Trách nhiệm của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ liên quan xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm và đề xuất các hoạt động đưa vào chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

2. Thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc chương trình xúc tiến đầu tư của mình và các hoạt động được phân công thuộc chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

3. Hỗ trợ việc triển khai hoặc tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư do các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan thực hiện trong phạm vi quản lý của mình khi có yêu cầu.

4. Các trách nhiệm cụ thể khác theo quy định của Quy chế này.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng